



CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 47

ISO 9001:2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2025/CC47-CBTT

Quy Nhơn, ngày 09 tháng 05 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;
- Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng 47.

- I. Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Xây dựng 47
- Mã chứng khoán : C47
 - Địa chỉ : Số 8 Biên Cương, Quy Nhơn, Bình Định
 - Điện thoại : 0256.3522166
 - Fax : 0256.3522316
 - Email : C47@xaydung47.vn
 - Người thực hiện công bố thông tin: ông **Trịnh Quốc Thọ** theo Ủy quyền số 1158/2020/UQ-CC47 ngày 05/9/2020 của Tổng Giám đốc Công ty.

II. Nội dung thông tin công bố:

- Ngày 09/05/2025, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (C47) đã nhận được Bản án số **06/2025/KDTM-PT** ngày 09/4/2025 của Hội đồng xét xử Phúc thẩm - Tòa Án nhân dân tỉnh Bình Định về việc “**tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, đòi lại tài sản**”
- Theo Bản án này, Thay mặt Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa của Tòa Án Nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử:
 1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng 47 và kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh. **Giữ nguyên Bản án Sơ thẩm số 41/2024/KDTM-ST ngày 08/7/2024** của Tòa Án Nhân dân Thành Phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
 2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Xây dựng 47. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần xây dựng 47 tổng số tiền nợ theo Hợp đồng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo là: **19.206.813.640** đồng (mười chín tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm mười ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng), Trong đó: Tiền gốc **15.184.549.985** đồng (mười lăm tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi lăm đồng). Lãi **4.022.263.640** đồng (Bốn tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng).
 3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng 47.
 - 3.1. Yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh trả khoản lãi chậm thanh toán **1.427.660.015** đồng .
 - 3.2. Yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh trả số tiền **439.033.831** đồng và lãi **286.394.398** đồng.



4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh về việc buộc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thanh toán số tiền **3.596.912.815** đồng, là khoản tiền phạt vi phạm do chậm tiến độ của hợp đồng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo.
5. Những quyết định của các bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
6. Án phí Phúc thẩm:
 - Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (C47), C47 đã nộp **2.000.000** đồng theo biên lai thu số 0000283 ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự TP Quy Nhơn (đã nộp xong).
 - Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh phải chịu **2.000.000** đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh đã nộp **2.000.000** đồng theo biên lai thu số 0000316 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự TP Quy Nhơn (đã nộp xong).
7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án.

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án “đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án” cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự,

8. Bản án Phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Chi tiết đính kèm: Bản án số **06/2025/KDTM-PT** ngày 09/4/2025 của Hội đồng xét xử Phúc thẩm - Tòa Án nhân dân tỉnh Bình Định về việc “**tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, đòi lại tài sản**”

Thông tin này được đăng tải trên trang website của Công ty: www.xaydung47.vn (mục **quan hệ cổ đông**).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

Như trên;
Website Công ty;
Lưu: HĐQT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Người được Ủy quyền CBTT)


Trịnh Quốc Thọ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/KDTM-PT
Ngày: 09 - 4 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng, đòi lại tài sản"



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Bách là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2024/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng thi công xây dựng, đòi lại tài sản".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 41/2024/KDTM-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần xây dựng 47; địa chỉ trụ sở chính: Số 08 đường Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh Quang, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Phạm Ánh Dương, sinh năm 1992; địa chỉ: Phòng G-2801 The Mannor Officietel 91 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền ngày 15/02/2024 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 47. (có mặt).

2. Ông Trần Đức Dương – Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 47; Địa chỉ: Số 08 đường Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo giấy ủy quyền số 430/2025/GUQ-TGD ngày 20/3/2025 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 47. (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoài Giang – Luật sư Công ty Luật TNHH Lê Nguyễn, địa chỉ: Phòng G-2801, Tòa nhà G, Tòa The Manor Officetel, 91 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh; địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thanh, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Dũng, sinh năm 1986; địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà Etown 6 – 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền ngày 06/7/2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo - Kon Tum; Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 đường Trường Chinh, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hạnh, chức vụ: Tổng Giám đốc. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 và bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 (sau đây viết tắt là Công ty 47), trình bày:

Ngày 14/10/2015 giữa Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (Sau đây gọi tắt là Công ty VSH) và Công ty cổ phần xây dựng 47 (Sau đây gọi tắt là Công ty 47) có ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 về việc thi công gói thầu số TKT 4.1.2A: Thi công phần còn lại của cửa nhận nước và đoạn Km0-Km5 của Hầm dẫn nước thuộc Dự án thủy điện Thượng Kon Tum, theo đó Công ty VSH là Chủ đầu tư dự án còn Công ty 47 là nhà thầu thi công dự án. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa Công ty VSH và Công ty 47 còn ký kết 15 phụ lục bổ sung của hợp đồng 1382 để triển khai thi công dự án gồm: Phụ lục số 1639/2016/HĐ-VSH-CC47-BS1; phụ lục số 85/2017/HĐ-VSH-CC47-BS2 ngày 13/01/2017; phụ lục số 98/2017/HĐ-VSH-CC47/BS3 ngày 16/01/2017; phụ lục số 783/2017/HĐ-VSH-CC47-BS4 ngày 31/05/2017; Phụ lục số 1137/2017/HĐ-VSH-CC47-BS5 ngày 02/08/2017; phụ lục số 1347/2017/HĐ-VSH-CC47/BS6 ngày 15/9/2017; phụ lục số 300/2018/HĐ-VSH-CC47/BS7 ngày 21/3/2018; phụ lục số 384/2019/HĐ-VSH-CC47/BS8 tháng 3/2019; phụ lục số 614/2019/HĐ-VSH-CC47/BS9 ngày 26/4/2019; phụ lục số 1344/2019/HĐ-VSH-CC47/BS10 ngày 20/8/2019; phụ lục số 1452/2019/HĐ-VSH-CC47/BS11 ngày 7/9/2019; phụ lục số 1583/2019/HĐ-VSH-CC47/BS12 ngày 23/9/2019; phụ lục số 2173/2019/HĐ-VSH-CC47/BS13 ngày 27/12/2019; phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020; phụ lục số 1736/2020/HĐ-VSH-CC47/BS15 ngày 28/9/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 16/01/2020, giữa Công ty VSH và Công ty 47 đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn

giao đưa vào sử dụng gói thầu số TKT 4.2.1A thuộc hợp đồng 1382. Ngày 02/12/2020, giữa Công ty VSH và Công ty 47 đã ký Quyết toán khối lượng xây lắp hạng mục công trình hoàn thành đối với hợp đồng số 1382 và các phụ lục kèm theo. Theo quyết toán, Công ty VSH còn phải thanh toán cho Công ty 47 số tiền là 15.184.549.985 đồng. Ngày 25/01/2022, giữa Công ty VSH và Công ty 47 cũng đã ký biên bản đối chiếu công nợ đối với hợp đồng số 1382, theo đó Công ty VSH xác nhận còn nợ Công ty 47 số tiền nợ gốc 15.184.549.985 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, mặc dù nhiều lần Công ty 47 yêu cầu Công ty VSH thanh toán khoản nợ trên bao gồm gốc và lãi, tuy nhiên cho đến nay Công ty VSH vẫn chưa thanh toán.

Ngoài ra, theo Biên bản xác nhận chuyển công nợ ngày 31.12.2017 giữa Công ty VSH, Công ty 47 và Công ty Cổ phần Xây lắp điện Đức Bảo - Kon Tum các bên thỏa thuận Công ty VSH sẽ thanh toán cho Công ty 47 số tiền 439.033.831 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty VSH vẫn chưa thanh toán khoản tiền này cho Công ty 47.

Nay, nguyên đơn Công ty 47 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty VSH phải có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng 21.359.901.869 đồng, trong đó:

1. Số tiền gốc 15.184.549.985 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/01/2022 trong đó bao gồm hai khoản: Khoản thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng; khoản thanh toán thanh toán tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng.

2. Lãi chậm thanh toán đối với khoản số tiền 15.184.549.985 đồng, cụ thể:

+ Thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng: $2.019.342.711 \text{ đồng} \times 1207 \text{ ngày (từ ngày 20/3/2021 đến ngày 08/07/2024)} \times 13,96\%$ (lãi suất nợ quá hạn liên ngân hàng) = 932.201.624 đồng

+ Khoản thanh toán thanh toán tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng: $13.165.207.274 \text{ đồng} \times 905 \text{ ngày (từ ngày 16/01/2022 đến ngày 08/7/2024)} \times 13,84\%$ (lãi suất nợ quá hạn liên ngân hàng) = 4.517.722.031 đồng.

3. Số tiền 439.033.831 đồng theo Biên bản xác nhận chuyển công nợ ngày 31/12/2017 và lãi: $439.033.831 \text{ đồng} \times 2381 \text{ ngày (từ ngày 01/01/2008 đến ngày 08/7/2024)} \times 10\%$ (lãi suất tính theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự) = 286.394.398 đồng.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả số tiền 399.970.145 đồng (theo Biên bản xác nhận nợ ngày 21/09/2020) và lãi phát sinh; khoản tiền bồi thường thiệt hại tạm tính đến ngày 21/02/2024 là 3.357.915.435 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này.

*/ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty VSH, nguyên đơn có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa xem xét về thời hiệu khởi kiện vì cho rằng tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 16/01/2020, hai bên đã xác định Công ty 47 hoàn thành công việc theo Hợp đồng 1382 và các phụ lục kèm theo vào ngày 03/01/2020. Việc yêu cầu phản tố của bị đơn nếu có phải được thực hiện trong thời gian hai năm tính từ ngày 03/01/2020

đến trước ngày 03/01/2022 nhưng đến ngày 21/7/2023 bị đơn mới có đơn yêu cầu phản tố là hết thời hiệu. Tại phiên toà, nguyên đơn cho rằng trường hợp nếu còn thời hiệu khởi kiện vẫn không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn, bởi lẽ vào ngày 02/12/2020, giữa Công ty 47 và Công ty VSH ký Quyết toán khối lượng theo Hợp đồng 1382 giữa hai bên không ghi nhận bất kỳ khiếu nại, kiến nghị gì của Công ty VSH liên quan đến việc chậm trễ thi công của Công ty 47.

Ngoài trình bày trên, trong vụ án nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (sau đây viết tắt là Công ty VSH) trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về việc hai bên có ký kết Hợp đồng số 1382 ngày 14/10/2015 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Trong quan hệ hợp tác làm ăn, ngoài Hợp đồng 1382 nói trên, giữa Công ty VSH và Công ty 47 còn ký thêm 02 hợp đồng trong đó Công ty 47 tham gia với tư cách là một trong các nhà thầu liên danh thực hiện 02 Gói thầu khác cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum gồm Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD ngày 17/9/2010 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng 786) thực hiện Gói thầu TKT-1.2.0: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp Tuyến áp lực của Dự Án TKT; và Hợp đồng số 653/2016/HĐ-VSH-LD ngày 25/5/2016 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng 653) thực hiện cho Gói thầu TKT-4.2.1B: Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM (lý trình km5 ÷ Km15+449) và gia cố phần còn lại (lý trình km15+449 ÷ km17+447,43). Tuy nhiên, trong vụ án này, tính đến thời điểm hiện nay các đương sự chỉ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng 1382.

Sau khi tiến hành nghiệm thu toàn bộ các hạng mục công việc của Hợp đồng 1382, ngày 02/12/2020, hai bên đã tiến hành kiểm tra, đánh giá và xem xét sơ bộ Hồ sơ quyết toán A-B của Hợp đồng 1382 do Công ty 47 đệ trình, theo đó, giá trị quyết toán theo khối lượng nghiệm thu mà Công ty 47 đệ trình được chấp nhận là 362.740.592.134 đồng. Công ty VSH đã thanh toán 347.556.042.149 đồng. Số tiền mà Công ty VSH được quyền giữ lại theo quy định của Hợp đồng 1382 để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành là 15.184.549.985 đồng. Giữa Công ty VSH và Công ty 47 cũng nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ, gần đây nhất vào ngày 25/01/2022, theo đó đối với Hợp đồng 1382 và các phụ lục kèm theo số tiền Công ty VSH còn nợ Công ty 47 là 15.184.549.985 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền gốc 15.184.549.985 đồng trong đó bao gồm khoản thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng; khoản thanh toán tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng, bị đơn có ý kiến như sau: Công ty VSH chỉ thừa nhận số tiền gốc thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng nhưng không thống nhất về thời điểm phát sinh nghĩa vụ ngày 20/3/2021 như nguyên đơn trình bày mà thời điểm thanh toán của khoản tiền này phát sinh nghĩa vụ ngày 20/4/2021. Đối với khoản tiền thanh toán tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng, Công ty 47 không đáp ứng điều kiện thanh toán theo quy định của Hợp đồng 1382, bởi các lý do sau:

Về thời điểm hoàn thành công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công việc của hợp đồng 1382: Nguyên đơn cho rằng thời điểm hoàn thành công việc của

Hợp đồng 1382 là vào ngày 16/01/2020 là không có căn cứ vì Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 16/01/2020 không phải là biên bản nghiệm thu toàn bộ khối lượng công việc của hợp đồng 1382 mà toàn bộ công việc Công ty 47 hoàn thành được xác định theo Biên bản nghiệm thu toàn bộ khối lượng công việc của hợp đồng vào ngày 12/10/2020. Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp ký ngày 12/10/2020 đáp ứng đủ điều kiện về nghiệm thu công trình theo quy định tại Điều 6.4 của Hợp đồng. Mặt khác, theo nhật ký thi công sau ngày 16/01/2020 nguyên đơn vẫn tiếp tục thực hiện thi công tại dự án đối với các công việc còn lại của hợp đồng 1382. Từ đó cho thấy biên bản nghiệm thu ngày 16/01/2020 chỉ là biên bản xác nhận nhà thầu Công ty 47 đã hoàn thành một phần hạng mục công trình chính của hợp đồng 1382. Do đó, bị đơn khẳng định Công ty 47 hoàn thành công việc theo hợp đồng 1382 vào ngày 12/10/2020 chứ không phải ngày 16/01/2020 như nguyên đơn trình bày.

Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ bảo hành: Công ty VSH xác nhận còn nợ Công ty 47 tiền 15.184.549.985 đồng theo Biên bản ngày 25/01/2022 là đúng tuy nhiên trong tổng số 15.184.549.985 đồng nói trên chỉ phát sinh nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền 2.019.342.711 đồng, còn lại 13.165.207.274 đồng là số tiền mà Công ty VSH có quyền giữ lại để bảo hành. Điều kiện để bị đơn thanh toán tiền giữ lại bảo hành 5% giá trị hợp đồng được quy định tại khoản 8.3, 8.4 và 8.5 Điều 8 của Hợp đồng, chủ đầu tư giữ lại sẽ thanh toán cho nhà thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện: chủ đầu tư nhận được bảo đảm bảo hành hoặc hết thời gian bảo hành và nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành; đáp ứng hồ sơ thanh toán. Ngày ký Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục công trình 12/10/2020 nên thời hạn bảo hành sẽ kết thúc vào ngày 12/10/2022, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, sau khi kết thúc bảo hành ngày 12/10/2022 Công ty VSH vẫn không nhận được bất cứ văn bản nào của nhà thầu C47 đệ trình về việc xác nhận kết thúc bảo hành theo quy định tại khoản 5 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và khoản 5 Điều 36 nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Ngoài ra, trong thời gian bảo hành của hạng mục theo Gói thầu này, Công ty VSH đã nhiều lần yêu cầu Công ty 47 thực hiện nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa, khắc phục các hạng mục công trình do họ thực hiện tuy vậy, đến thời điểm hiện tại, Công ty 47 vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ khắc phục, sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng trong thời gian bảo hành theo quy định của Điều 125 Luật xây dựng 2014 và Điều 35, 36 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP nên Công ty VSH khẳng định khoản tiền giữ lại để bảo hành 13.165.207.274 đồng chưa đến hạn thanh toán nên bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán của khoản tiền 15.184.549.985 đồng và lãi phát sinh: Trong tổng số tiền 15.184.549.985 đồng, đối với khoản thanh toán quyết toán số tiền 2.019.342.711 đồng là ngày 20/4/2021 nên thời điểm tính lãi phải từ ngày 20/4/2021; còn đối với khoản tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán nên không có căn cứ để trả nợ gốc, lãi. Đồng thời, bị đơn cũng không đồng ý với căn cứ pháp lý mà nguyên đơn đưa ra về

vấn đề lãi suất. Trường hợp, nếu tính lãi đối với các khoản nợ trên thì mức lãi được ưu tiên áp dụng phải là lãi suất tiền vay của ngân hàng thương mại nơi nhà thầu Công ty 47 mở tài khoản tức Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chứ mà không phải căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường như nguyên đơn trình bày.

Đối với yêu cầu khoản tiền theo Biên bản xác nhận chuyển công nợ ngày 31/12/2017: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đề nghị Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Trường hợp nếu vẫn còn thời hiệu thì bị đơn vẫn không đồng ý theo yêu cầu này của nguyên đơn vì: Số tiền 439.033.831 đồng đã được các bên giải quyết theo biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 18/9/2020, cụ thể, tại trang số 4 tài liệu kèm theo của biên bản, các bên đã thực hiện quyết toán toàn bộ giá trị khối lượng công việc của Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum phát sinh từ hợp đồng 1382. Sau khi ký Biên bản xác nhận công nợ nói trên, ngày 27/5/2020, Công ty 47 ban hành văn bản số 715/CV-KH về việc giải quyết các tồn tại, vướng mắc tại Dự án thủy điện Thượng Kon Tum gửi đến Công ty VSH, tại Mục 2 Trang 2 của văn bản có đoạn ghi “...*Và VSH cũng đã chuyển dư số tiền của CC47 cho công ty xây lắp điện đức bảo KonTum 439.033.831 đồng nên CC47 cũng sẽ giảm trừ giá trị này trong đối chiếu công nợ quyết toán giữa CC47 và VSH...*”. Ngày 18/9/2020, giữa Công ty VSH và Công ty 47 tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ của các hợp đồng, trong đó có việc đối chiếu công nợ của Hợp đồng 1382 - Theo đó đối với Hợp đồng 1382 Công ty 47 còn nợ Công ty VSH số tiền 5.361.115.139 đồng. Kèm theo Biên bản đối chiếu công nợ là Bảng kê kèm theo có tiêu đề “*Bảng đối chiếu chi tiết và xác nhận công nợ Dự án thượng Kon Tum đến 31/8/2020*”, tại Trang 4 của Bảng đối chiếu, dòng Nội dung Thanh toán đợt 4 của Hợp hợp 1382 mà hai bên đã cùng thống nhất giải quyết đối chiếu, giảm trừ, có ghi Tổng nghiệm thu và xuất hóa đơn 23.903.383.065 đồng; số tiền đã thanh toán 24.103.383.065 đồng.

Ngày 12/10/2020 giữa Công ty VSH và Công ty 47 tiếp tục ký Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp của Hợp đồng 1382. Theo Hồ sơ quyết toán A-B ký ngày 02/12/2020, tại Phần 1, trang từ 4/35 đến 10/35, mục D của Bảng xác định giá trị quyết toán đính kèm theo Hồ sơ quyết toán của Hợp đồng 1382, hạng mục Hệ thống điện trong hầm để phục vụ cho việc chiếu sáng, thông gió và bơm nước đường hầm lý trình Km0 đến KM3-100 là phần công việc mà Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo – Kon Tum đã thực hiện thay cho Công ty 47 có giá trị quyết toán là 23.903.383.065 đồng.

Ngày 25/01/2022, Công ty VSH và Công ty 47 tiếp tục ký Biên bản đối chiếu công nợ, hai bên cùng thống nhất xác nhận đối chiếu, giảm trừ toàn bộ vấn đề của Biên bản ngày 31/12/2017 vào nội dung quyết toán và đối chiếu công nợ của Hợp đồng 1382. Nay Công ty 47 tiếp tục yêu cầu Công ty VSH thanh toán theo Biên bản ngày 31/12/2017 là không đúng, do đó không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung này.

Về căn cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty VSH về việc phạt nguyên đơn Công ty 47 do chậm tiến độ số tiền 3.596.912.815 đồng: Công ty VSH yêu cầu nguyên đơn Công ty 47 phải chịu khoản phạt vi phạm do

chậm tiến độ thi công hợp đồng 1382 là 3.596.912.815 đồng bao gồm hai khoản: 1.131.433.000 đồng - Theo như nội dung Công văn số 500/CV-VSH-KHĐT ngày 07/4/2014 của Công ty VSH đã gửi đến Công ty 47 về việc tiến độ thi công gói thầu Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm Dự án thủy điện Thượng Kon Tum, trong đó có nội dung "... *Phạt hợp đồng: Căn cứ theo Hợp đồng 1382, Điều 12. Thường, phạt hợp đồng: Chủ đầu tư tiến hành phạt hợp đồng nhà thầu với số tiền 1.131.433.000 đồng...*" và khoản phạt trên giá trị hợp đồng mà nguyên đơn chậm thực hiện theo phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020 thống nhất gia hạn tiến độ thi công đến 30/4/2020, phụ lục số 1736/2020/HĐ-VSH-CC47/BS15 ngày 28/9/2020 thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng gói thầu TKT-4.2.1A: là 363.108.697.560 đồng. Theo Bảng đối chiếu chi tiết và xác nhận công nợ đến ngày 31/8/2020 khối lượng mà Công ty 47 thực hiện mới chỉ 342.194.927.010 đồng, thấp hơn 20.913.770.550 đồng, căn cứ Điều 21 của Hợp đồng 1382, quy định nếu nhà thầu vi phạm về tiến độ chậm 10 ngày đầu sẽ phạt 1% trên giá trị hợp đồng vi phạm, chậm 10 ngày tiếp theo phạt 0,8% giá trị hợp đồng vi phạm, tổng phạt tối đa không vượt quá 12% giá trị hợp đồng vi phạm. Do đó, Công ty 47 phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 2.465.479.815 đồng.

Tại đơn yêu cầu phản tố, bị đơn Công ty VSH yêu cầu buộc nguyên đơn Công ty 47 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 6.766.747.969 đồng (theo Hồ sơ quyết toán A-B lập ngày 02.12.2020; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25.01.2022 của Hợp đồng EPC số 786/2010/HĐ-VSH-LD ngày 17.9.2010); số tiền 9.621.607.000 đồng (giá trị các thiết bị, vật tư bị tháo dỡ khỏi công trường); số tiền 7.957.167.185 đồng (khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của Hợp đồng số 1382 ngày 14/10/2015). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn tự nguyện rút các yêu cầu phản tố này.

Ngoài trình bày trên, trong vụ án bị đơn không có ý kiến yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum trình bày:

Căn cứ vào Biên bản xác nhận chuyển công nợ ngày 31/12/2017, chị xác nhận những nội dung và số liệu trong biên bản là hoàn toàn đúng sự thật theo công nợ được xác định tới ngày 31/12/2017. Số tiền 439.033.831 đồng sẽ được Công ty VSH thanh toán lại cho Công ty 47. Ngoài ra, chị xác nhận người ký biên bản xác nhận chuyển công nợ người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo - Kon Tum là đúng thẩm quyền. Căn cứ đề 03 bên lập biên bản xác nhận chuyển công nợ trên bao gồm: Căn cứ vào Hợp đồng 1382; hợp đồng thi công số 17-2015/HĐNT/KTKH về việc: thi công đường dây cáp điện thi công đoạn đầu đường hầm Km0-Km3+100 ngày 15/10/2015 giữa Công ty 47 và Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum. Nay Công ty 47 yêu cầu Công ty VSH trả lại số tiền theo công nợ chuyển đã được xác nhận, Công ty đề nghị Tòa xem xét theo đúng quy định. Nay vì điều kiện công việc đi lại khó khăn, chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 41/2024/KDTM-ST ngày

08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 đối với nội dung:

1.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng 47 tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo là 19.206.813.640 đồng (Mười chín tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm mười ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng), trong đó gốc 15.184.549.985 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi lăm đồng); lãi 4.022.263.640 đồng (Bốn tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng), cụ thể:

1.1.1. Khoản phải thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng (Hai tỷ, không trăm mười chín triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm mười một đồng) và lãi 701.947.869 đồng (Bảy trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

1.1.2. Khoản thanh toán tiền giữ lại bảo hành 13.165.207.274 đồng (Mười ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng) và lãi 3.320.315.771 đồng (Ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu, ba trăm mười lăm ngàn, bảy trăm bảy mươi một đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trả khoản lãi chậm thanh toán: 1.427.660.015 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, không trăm mười lăm đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trả số tiền 439.033.831 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi một đồng) và lãi 286.394.398 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng 47 thanh toán số tiền 3.596.912.815 đồng (Ba tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười hai ngàn, tám trăm mười lăm đồng) là khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo vì không có căn cứ.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung buộc bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trả số tiền 399.970.145 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm đồng) - theo Biên bản xác nhận nợ ngày 21/09/2020 và lãi phát sinh; khoản tiền bồi thường thiệt hại tính đến ngày 21/02/2024 là 3.357.915.435 đồng (Ba tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm mười lăm ngàn, bốn trăm ba mươi lăm đồng) do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nội dung buộc nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 hoàn trả số tiền 6.766.747.969 đồng

(Sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng) - theo Hồ sơ quyết toán A-B lập ngày 02.12.2020; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25.01.2022 của Hợp đồng EPC số 786/2010/HĐ-VSH-LD ngày 17.9.2010; số tiền 9.621.607.000 đồng (Chín tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng) - giá trị các thiết bị, vật tư bị tháo dỡ khỏi công trường; số tiền 7.957.167.185 đồng (Bảy tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm tám mươi lăm đồng) - khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo do bị đơn tự nguyện rút yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 23/7/2024 nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 23/7/2024 bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xấp lắp điện Đức Bảo - Kon Tum. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự thì HĐXX có cơ sở xác định vào ngày 14/10/2015 giữa Công ty VSH (Chủ đầu tư) và Công ty 47 (Nhà thầu) có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 về việc Công ty 47 thi công "Gói thầu số TKT 4.1.2A: Thi công phần còn lại của cửa nhận nước và đoạn Km0-Km5 của Hàm dẫn nước thuộc Dự án thủy điện Thượng Kon Tum, địa điểm xây dựng: xã Đak Tăng, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum" và 15 phụ lục bổ sung của hợp đồng 1382 gồm: phụ lục số 1639/2016/HĐ-VSH-CC47-BS1; phụ lục số 85/2017/HĐ-VSH-CC47-BS2 ngày 13/01/2017; phụ lục số 98/2017/HĐ-VSH-CC47/BS3 ngày 16/01/2017; phụ lục số 783/2017/HĐ-VSH-CC47-BS4 ngày 31/05/2017; Phụ lục số 1137/2017/HĐ-VSH-CC47-BS5 ngày 02/08/2017; phụ lục số 1347/2017/HĐ-VSH-CC47/BS6 ngày 15/9/2017; phụ lục số 300/2018/HĐ-VSH-CC47/BS7 ngày 21/3/2018; phụ lục số 384/2019/HĐ-VSH-CC47/BS8 tháng 3/2019; phụ lục số 614/2019/HĐ-VSH-CC47/BS9 ngày 26/4/2019; phụ lục số 1344/2019/HĐ-VSH-CC47/BS10 ngày

20/8/2019; phụ lục số 1452/2019/HĐ-VSH-CC47/BS11 ngày 7/9/2019; phụ lục số 1583/2019/HĐ-VSH-CC47/BS12 ngày 23/9/2019; phụ lục số 2173/2019/HĐ-VSH-CC47/BS13 ngày 27/12/2019; phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020; phụ lục số 1736/2020/HĐ-VSH-CC47/BS15 ngày 28/9/2020.

Xét hợp đồng số 1382 và các phụ lục hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên có tư cách pháp nhân, người đại diện hợp pháp có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi theo quy định của pháp luật dân sự; mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật Dân sự. Do đó Hợp đồng thi công xây dựng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý buộc các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện và làm cơ sở để giải quyết khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 16/01/2020 giữa Công ty VSH và Công ty 47 đã chấp nhận ký “*Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao đưa vào sử dụng*” (BL 142) có nội dung:

+ *Hạng mục nghiệm thu: Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm Km0+Km5;*

+ *Hội đồng nghiệm thu đánh giá và xác nhận, thời gian xây dựng 11 năm, khởi công ngày 04/9/2009, hoàn thành ngày 03/01/2020.*

+ *“Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao đưa vào sử dụng chính thức hạng mục: Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm Km0-Km5, thuộc Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với chất lượng xây lắp đạt yêu cầu kỹ thuật”*

+ *Đánh giá về khối lượng theo phụ lục 1 kèm theo (có liệt kê nội dung công việc và khối lượng thực hiện)*

+ *Đánh giá về chất lượng: Đạt yêu cầu theo thiết kế, các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành và các chỉ dẫn kỹ thuật.*

Việc các bên lập “*Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao đưa vào sử dụng*” ngày 16/01/2020 là phù hợp với Điều 6.3 Hợp đồng thỏa thuận “*Nghiệm thu Công trình trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ bao gồm: a) Nghiệm thu công việc xây dựng; b) Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; c) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng*” và phù hợp với Điều 6.4 của Hợp đồng “*Nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành*”. Do đó, Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 16/01/2020 là hình thức nghiệm thu cao nhất của Hợp đồng nên cấp sơ thẩm xác định ngày 16/01/2020 là ngày hoàn thành công trình theo hợp đồng là có cơ sở.

Ngược lại bị đơn Công ty VSH cho rằng thời điểm hoàn thành công trình vào ngày 12/10/2020 theo biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hạng mục công trình hoàn thành và sau ngày 16/01/2020 các bên còn ký các phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020, phụ lục số 1736/2020/HĐ-VSH-CC47/BS15 ngày 28/9/2020 là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hạng mục công trình hoàn thành ngày 12/10/2020

là biên bản nghiệm thu khối lượng thực tế đã thực hiện sau khi nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng để mục đích thanh toán theo khối lượng thực tế. Thực tế sau ngày 16/01/2020, các bên chỉ ký thêm hai phụ lục để bổ sung thêm khối lượng công việc thực tế đã thi công làm cơ sở để thanh toán, quyết toán gồm: Phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020 nội dung gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/4/2020; Bổ sung giá trị hợp đồng chi phí nhân công vận hành, bảo trì hệ thống điện từ ngày 01/9/2019 đến ngày 11/11/2019 là 318.017.394 đồng; Phụ lục số 1736/2020/HĐ-VSH-CC47/BS15 ngày 28/9/2020 nội dung điều chỉnh lại khối lượng theo thực tế thi công đã được nghiệm thu đối với các công việc thuộc hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng đã ký.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty VSH phải có nghĩa vụ trả khoản tiền gốc 15.184.549.985 đồng, trong đó bao gồm khoản phải thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng và khoản tiền giữ lại để bảo hành 13.165.207.274 đồng, HĐXX thấy rằng: Ngày 25/01/2022, giữa Công ty VSH và Công ty 47 đã ký Biên bản đối chiếu công nợ xác định đối với Hợp đồng 1382 Công ty VSH còn nợ Công ty 47 là 15.184.549.985 đồng, trong đó bao gồm khoản phải thanh toán quyết toán là 2.019.342.711 đồng và khoản tiền giữ lại để bảo hành 13.165.207.274 đồng.

[2.1.1] Xét khoản thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng: Ngày 25/02/2021, Công ty 47 đã xuất Hóa đơn GTGT lần thứ 39, Hóa đơn số 0003600 quyết toán gói thầu TKT-4.2.1A và gửi đến Công ty VSH nhận vào ngày 01/03/2021. Đối chiếu với quy định tại Điều 8.4 Hợp đồng 1382, thời hạn để chủ đầu tư thanh toán quyết toán số tiền 2.019.342.711 đồng nói trên là 14 ngày làm việc tính từ ngày 01/03/2021, tức đến hết ngày 19/03/2021. Như vậy, ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán là ngày 20/3/2021. Do đó, có căn cứ để xác định Công ty VSH phải thanh toán đối với số tiền 2.019.342.711 đồng cho Công ty 47 kể từ ngày 20/3/2021 như yêu cầu khởi kiện của Công ty 47 là có căn cứ.

[2.1.2] Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền giữ lại bảo hành 13.165.207.274 đồng: Như đã nhận định nêu trên ngày hoàn thành công trình bàn giao và đưa vào sử dụng đối với Hợp đồng 1382 và các phụ lục kèm theo là ngày 16/01/2020 theo “Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao đưa vào sử dụng”. Đối chiếu với quy định tại Điều 19.2 Hợp đồng thì thời hạn bảo hành được tính là 24 tháng kể từ ngày 16/01/2020 và kết thúc là ngày 15/01/2022. Đối chiếu theo quy định tại Điều 8.3 Hợp đồng, khoản tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng sẽ đến hạn thanh toán vào ngày 16/01/2022. Trước khi hết thời hạn bảo hành Công ty 47 đã gửi Công văn số 30/2022/CC47-KT ngày 10/01/2022 thông báo báo cáo công tác thực hiện nghĩa vụ bảo hành và gửi đến Công ty VSH trước thời gian kết thúc bảo hành 05 ngày nhưng Công ty VSH không có phản hồi. Do đó, có căn cứ để HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty 47 về việc buộc bị đơn Công ty VSH phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền giữ lại bảo hành 13.165.207.274 đồng, thời điểm phát sinh nghĩa vụ kể từ ngày 16/01/2022.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả khoản lãi chậm thanh toán: Đối với khoản thanh toán quyết toán 2.019.342.711 và

khoản thanh toán tiền giữ lại bảo hành 13.165.207.274 tổng cộng 5.449.923.655 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hợp đồng được ký trên cơ sở Luật xây dựng nên khi xảy ra tranh chấp thì áp dụng Luật xây dựng giải quyết. Căn cứ Điều 146 Luật xây dựng, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định: “*Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác...*” thì cần áp dụng lãi suất chậm trả là lãi suất quá hạn do Ngân hàng thương mại nơi Công ty 47 mở tài khoản thanh toán là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Tại Công văn số 0623/CV-BIDV.BĐ ngày 12/6/2024 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định thể hiện mức lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp, thời hạn vay từ 24 tháng đến dưới 36 tháng là 8,6% năm, lãi quá hạn bằng 120%, tương đương 10,32%/năm; thời hạn vay từ 36 tháng đến dưới 60 tháng là 8,9%/năm; lãi quá hạn bằng 120%; tương đương 10,68%/năm; Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm thanh toán của nguyên đơn Công ty 47

Đối với khoản thanh toán quyết toán 2.019.342.711 đồng x 1,188 ngày (từ ngày 20/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2024) x 10,68%/năm (tương đương 0,029%/ngày) = 701.947.869 đồng;

Đối với khoản thanh toán tiền giữ lại 13.165.207.274 đồng x 892 ngày (từ ngày 16/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2024) x 10,32%/năm (tương đương 0,028% ngày) = 3.320.315.771 đồng;

Như vậy, tổng số tiền lãi được chấp nhận là: 4.022.263.640 đồng và một phần yêu cầu lãi của nguyên đơn không được chấp nhận là 1.427.660.015 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền 439.033.831 đồng theo Biên bản xác nhận chuyển công nợ ngày 31/12/2017 và lãi 286.394.398 đồng. Tổng cộng các khoản 725.428.229 đồng.

Xét thấy: “*Biên bản xác nhận chuyển công nợ*” đề ngày 31/12/2017 được ký kết giữa Công ty VSH, Công ty 47 và Công ty Cổ phần xây lắp điện Đức Bảo – Kon Tum thể hiện nội dung Công ty 47 còn phải thu của Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo – Kon Tum 439.033.831 đồng. Công ty cổ phần xây lắp điện Đức Bảo – Kon Tum đồng ý để Công ty VSH đứng ra thanh toán hộ khoản công nợ còn phải trả với Công ty 47 với số tiền 439.033.831 đồng. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/9/2020, 25/01/2022 và Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 12/10/2020 thì số tiền 439.033.831 đã gộp vào số nợ 15.184.549.985 phải trả của Công ty VSH và số nợ này đã được tính lãi. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty 47 về việc buộc bị đơn Công ty

VSH phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 439.033.831 đồng và lãi 286.394.398 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty VSH về việc buộc nguyên đơn Công ty 47 thanh toán số tiền 3.596.912.815 đồng là khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của Hợp đồng số 1382

HĐXX xét thấy: Mặc dù Hợp đồng 1382 ký kết ngày 14/10/2015 quy định thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng khởi công từ ngày 14/10/2015 và hoàn thành toàn bộ công việc Hợp đồng trong khoảng thời gian 30 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã nhiều lần cùng thống nhất, thỏa thuận, sửa đổi thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng kéo dài đến ngày 30/4/2020 bằng các phụ lục hợp đồng số 300/2018/HĐ-VSH-CC47/BS7 ngày 21/3/2018; Phụ lục số 384/2019/HĐ-VSH-CC47/BS8 ngày 26/3/2019; Phụ lục số 1344/2019/HĐ-VSH-CC47/BS10 ngày 20/8/2019; và tại Phụ lục số 400/2020/HĐ-VSH-CC47/BS14 ngày 19/3/2020. Đồng thời tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng ngày 16/01/2020, Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hạng mục công trình hoàn thành ngày 12/10/2020; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/9/2020 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/01/2022 nhưng Công ty VSH không có ý kiến gì về vấn đề phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của Hợp đồng số 1382. Do đó, Công ty VSH yêu cầu Công ty 47 thanh toán số tiền 3.596.912.815 đồng là khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ của Hợp đồng số 1382 và các phụ lục kèm theo là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 và kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 phải chịu 2.000.000 đồng và bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh phải chịu 2.000.000 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 và kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố Quy Nhơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 370, 429 của Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ Điều 138, 140, 146 của Luật xây dựng;
Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày
30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47 và kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2024/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng 47 tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo là 19.206.813.640 đồng (*Mười chín tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm mười ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng*), trong đó gốc 15.184.549.985 đồng (*Mười lăm tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi lăm đồng*); lãi 4.022.263.640 đồng (*Bốn tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng*).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng 47.

3.1. Yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trả khoản lãi chậm thanh toán: 1.427.660.015 đồng (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, không trăm mười lăm đồng*).

3.2. Yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trả số tiền 439.033.831 đồng (*Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi một đồng*) và lãi 286.394.398 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi tám đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng 47 thanh toán số tiền 3.596.912.815 đồng (*Ba tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười hai ngàn, tám trăm mười lăm đồng*) là khoản tiền phạt vi phạm do chậm tiến độ của hợp đồng số 1382/2015/HĐ-VSH-CC47 ngày 14/10/2015 và các phụ lục kèm theo.

5. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí phúc thẩm:

- Công ty cổ phần xây dựng 47 phải chịu 2.000.000 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Công ty cổ phần xây dựng 47 đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000283 ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn (đã nộp xong).

- Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000316 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn (đã nộp xong).

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THIADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phan Minh Dũng